



BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN PHƯỜNG THÔNG NHẤT

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

DVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất PNN			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	Đường Tôn Đức Thắng (QL 6)	Giáp địa phận phường Hòa Bình	Giao đường An Dương Vương	14.600	11.400	8.100	5.700	9.810	7.650	5.490	3.780	8.550	6.660	4.770	3.420
		Giao đường An Dương Vương	Hết địa phận Phường Thông Nhất	7.000	6.000	4.000	2.400	4.680	4.050	2.700	1.620	4.230	3.510	2.340	1.440
2	Đường 435	Km-00	Km 1+650	5.300	4.400	2.900	2.400	3.600	2.970	1.980	1.620	3.150	2.700	1.710	1.350
		Giáp Km 1+650	Km 3+500	4.100	2.500	2.100	1.600	2.790	1.620	1.350	1.080	2.430	1.440	1.170	990
3	Đường An Dương Vương	Giáp địa phận phường Hòa Bình	Hết ranh giới đất của Công ty may 3-2	14.600	11.400	8.100	5.700	9.810	7.650	5.490	3.780	8.550	6.660	4.770	3.420
		Giáp Công ty may 3-2	Điểm giao nhau giữa đường Tôn Đức Thắng với Quốc lộ 6	9.000	6.300	5.400	3.600	6.030	4.230	3.600	2.430	5.310	3.780	3.150	2.160
4	Đường Lý Thường Kiệt	Giao đường An Dương Vương	Giao đường Võ Thị Sáu	12.000	8.600	6.000	5.100	8.100	5.760	4.050	3.420	7.020	5.040	3.600	3.060
5	Đường Hoàng Hoa Thám	Giao đường An Dương Vương	Giao đường Tôn Đức Thắng	5.700	3.800	2.300	1.900	3.870	2.520	1.530	1.260	3.330	2.250	1.350	1.080
		Giao đường Tôn Đức Thắng	Hết đường Hoàng Hoa Thám	4.000	2.700	1.600	1.300	2.700	1.890	1.080	900	2.430	1.620	900	720
6	Đường Bà Triệu	Giao với đường Lý Thường Kiệt	Giao với đường Võ Thị Sáu	10.500	6.900	3.800	3.200	7.020	4.680	2.520	2.160	6.210	4.050	2.250	1.980
7	Đường Võ Thị Sáu	Giao với đường Lý Thường Kiệt	Giao với đường Tôn Đức Thắng	10.500	6.900	3.800	3.200	7.020	4.680	2.520	2.160	6.210	4.050	2.250	1.980
8	Đường Đào Duy Từ	Giao đường Lý Thường Kiệt	Hết nhà ông Trung	5.300	4.400	2.900	2.400	3.600	2.970	1.980	1.620	3.150	2.700	1.710	1.350
9	Đường Hồ Xuân Hương	Giao đường Lý Thường Kiệt	Ngõ 21	5.300	4.400	2.900	2.400	3.600	2.970	1.980	1.620	3.150	2.700	1.710	1.350
10	Đường Lý Thái Tông	Giao đường Tôn Đức Thắng	Giao đường Lê Lai	5.300	4.400	2.900	2.400	3.600	2.970	1.980	1.620	3.150	2.700	1.710	1.350
11	Đường Lê Lai	Ngã 3 giao với đường Bà Triệu và đường Võ Thị Sáu	Giao với đường Lê Trọng Tấn	5.300	4.400	2.900	2.400	3.600	2.970	1.980	1.620	3.150	2.700	1.710	1.350
12	Đường Phan Đình Giót	Giao đường Võ Thị Sáu	Giao đường Tôn Đức Thắng	5.300	4.400	2.900	2.400	3.600	2.970	1.980	1.620	3.150	2.700	1.710	1.350
13	Đường Lê Văn Tám	Giao đường Võ Thị Sáu	Hết nhà ông Dương	5.300	4.400	2.900	2.400	3.600	2.970	1.980	1.620	3.150	2.700	1.710	1.350
14	Đường Vũ Thơ	Ngã ba giao nhau với đường An Dương Vương	Hết địa phận phường Thông Nhất	5.300	4.400	2.900	2.400	3.600	2.970	1.980	1.620	3.150	2.700	1.710	1.350

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất PNN			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
15	Đường Nguyễn Như Trang	Giáp đường Tôn Đức Thắng	Giáp đường dân cư tổ 10	5.300	4.400	2.900	2.400	3.600	2.970	1.980	1.620	3.150	2.700	1.710	1.350
16	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Giáp đường Dân Chủ	Giáp đường Bạch Đằng	5.300	4.400	2.900	2.400	3.600	2.970	1.980	1.620	3.150	2.700	1.710	1.350
17	Đường Phạm Ngọc Thạch	Giáp đường Tôn Đức Thắng	Giáp đường Dân Chủ	5.300	4.400	2.900	2.400	3.600	2.970	1.980	1.620	3.150	2.700	1.710	1.350
18	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Giáp đường Dân Chủ	Giáp đường Tôn Đức Thắng	4.200	3.400	2.100	1.800	2.790	2.250	1.440	1.170	2.430	1.980	1.440	1.080
19	Đường Bùi Văn Hợp	Giáp đường Dân Chủ	Giáp đường đi vào Khe Sanh	5.300	4.400	2.900	2.400	3.600	2.970	1.980	1.620	3.150	2.700	1.710	1.350
20	Đường Bạch Đằng	Giáp đường Lý Thường Kiệt	Giáp đường Km0+500	5.300	4.400	2.900	2.400	3.600	2.970	1.980	1.620	3.150	2.700	1.710	1.350
21	Đường Dân Chủ	Ngã ba đường Võ Thị Sáu	Cổng tổ 3 (xóm Đầm cũ)	10.500	6.900	3.800	3.200	7.020	4.680	2.520	2.160	6.210	4.050	2.250	1.980
22	Đường Tô Vĩnh Diện	Giáp đường Võ Thị Sáu	Hết nhà ông Minh	4.200	3.400	2.100	1.800	2.790	2.250	1.440	1.170	2.430	1.980	1.440	1.080
23	Đường Nguyễn Tuân	Giao đường An Dương Vương	Ngã ba giao đường An Dương Vương với đường 435	5.000	3.300	2.000	1.700	3.330	2.250	1.350	1.080	2.970	1.980	1.170	990
24	Đường Nguyễn Chí Thanh	Giao đường An Dương Vương	Ngã ba giao đường An Dương Vương (giáp nhà văn hóa tổ 1)	5.000	3.300	2.000	1.700	3.330	2.250	1.350	1.080	2.970	1.980	1.170	990
25	Đường Lê Đại Hành (lên cảng 3 cấp)	Ngã ba giao nhau với đường An Dương Vương	Sâu 500 m	5.300	4.400	2.900	2.400	3.600	2.970	1.980	1.620	3.150	2.700	1.710	1.350
		Điểm sau điểm 500 m	Hết địa phận Phường Thống Nhất	2.000	1.500	1.200	800	1.440	1.260	1.080	900	1.260	1.080	900	720
26	Đường phố Lương Ngọc Quyến	Giao đường An Dương Vương	Cuối đường Lương Ngọc Quyến	4.100	2.500	2.100	1.600	2.790	1.620	1.350	1.080	2.430	1.440	1.170	990
27	Đường Lương Thế Vinh	Giao với đường Hoàng Hoa Thám	Ngõ 55 đường Hoàng Hoa Thám	4.000	2.600	2.200	1.600	2.700	1.710	1.530	1.080	2.430	1.530	1.350	900
28	Đường Lê Trọng Tấn	Giao với đường Tôn Đức Thắng (QL 6)	Hồ Đồng Gạo	4.000	2.600	2.200	1.600	2.700	1.710	1.530	1.080	2.430	1.530	1.350	900
29	Đường Trần Đăng Ninh	Giao với đường Lê Thế Vinh	Giao với đường Thống Nhất	4.000	2.600	2.200	1.600	2.700	1.710	1.530	1.080	2.430	1.530	1.350	900
30	Đường Đặng Văn Ngữ	Giao đường Lê Trọng Tấn	Giao với đường Thống Nhất	4.000	2.600	2.200	1.600	2.700	1.710	1.530	1.080	2.430	1.530	1.350	900
31	Đường Phan Đăng Lưu	Giao Nhà ông Báo	Giao với đường Thống Nhất	2.000	1.500	1.200	800	1.440	1.260	1.080	900	1.260	1.080	900	720
32	Đường Tổng Duy Tân	Giao với công ty Đà Giang	Giao với đường Hoàng Hoa Thám	4.000	2.600	2.200	1.600	2.700	1.710	1.530	1.080	2.430	1.530	1.350	900
33	Đường Bùi Xuân Tiếp	Giao với đường Tôn Đức Thắng (QL 6)	Giao với đường Thống Nhất	5.700	3.800	2.300	1.900	3.870	2.520	1.530	1.260	3.330	2.250	1.350	1.080

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất PNN			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
34	Đường Cần Vương	Giao đường Dân Chủ	Giao đường Vũ Thor	5.300	4.400	2.900	2.400	3.600	2.970	1.980	1.620	3.150	2.700	1.710	1.350
35	Các đường QH nội bộ khu dân cư phường Thái Bình (của Công ty TNHH MTV Gia Ngân)			12.000	8.600	6.000	5.100	8.100	5.760	4.050	3.420	7.020	5.040	3.600	3.060
36	Đường Thống Nhất	Giao đường Lý Thường Kiệt	Cầu Thống Nhất	10.500	6.900	3.800	3.200	7.020	4.680	2.520	2.160	6.210	4.050	2.250	1.980
		Cầu Thống Nhất	Cầu Bàn	5.700	3.800	2.300	1.900	3.870	2.520	1.530	1.260	3.330	2.250	1.350	1.080
		Cầu Bàn	Hồ Đồng Chùa	4.000	2.600	2.200	1.600	2.700	1.710	1.530	1.080	2.430	1.530	1.350	900
		Hồ Đồng Chùa	Hết địa phận phường	900	500	400	200	360	180	120	100	270	200	150	100
*	Các tuyến đường khác														
37	Đường nối từ đường Lê Đại Hành xuống cảng 3 cấp	Đường nối Lê Đại Hành	Hết tuyến đường xuống cảng 3 cấp	3.000	2.400	2.000	1.200	1.980	1.620	1.350	810	1.800	1.440	1.170	720
38	Các đường nhánh không tên của đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 6 mới)			2.600	1.800	1.500	1.200	1.800	1.260	990	810	1.530	1.080	900	720
39	Đoạn từ Ngã ba xóm Chùa đến Đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 6 mới)	Ngã ba xóm Chùa	Đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 6 mới)	2.600	1.800	1.500	1.200	1.800	1.260	990	810	1.530	1.080	900	720
40	Các đường phố không tên còn lại có độ rộng mặt đường hiện trạng trên 4 m			4.100	2.500	2.100	1.600	2.790	1.620	1.350	1.080	2.430	1.440	1.170	990
41	Các đường phố còn lại có độ rộng mặt đường hiện trạng từ 4 m trở xuống			2.000	1.500	1.200	800	1.440	1.260	1.080	900	1.260	1.080	900	720
42	Đường đi Tổ Vôi, Tổ Thấu	Giao đường Lê Đại Hành	Hết tổ vôi	2.000	1.500	1.200	800	1.440	1.260	1.080	900	1.260	1.080	900	720
*	Các khu đấu giá														
43	Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại tổ 6, Phường Thống Nhất (cạnh đường vào phường Thống Nhất cũ)	Các lô đất từ 01 đến 10		12.000				8.100				7.020			
		Các lô đất từ số 11 đến 21		10.000				3.600				2.700			

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất PNN			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
44	Khu quy hoạch đấu giá quyền sử dụng đất tại tổ 7 phường Thống Nhất (dự án Mai Bình cũ)	Các lô đất mặt đường An Dương Vương		12.000				8.100				7.020			
		Các thửa góc thuộc lô đất mặt đường An Dương Vương		13.800				4.950				3.690			
		Các lô đất còn lại của khu dân cư		7.500				2.700				2.070			
		Các thửa góc thuộc lô đất còn lại của khu dân cư		8.600				3.150				2.340			
45	Khu nhà ở thương mại (Shophouse) liền kề giáp khu Trung tâm đa chức năng Quỳnh Lâm gồm: Các thửa đất tiếp giáp đường Chi Lăng; đường QH7; đường QH8; đường nội bộ			30.000				10.800				8.100			
*	Các khu tái định cư														
46	Khu quy hoạch tái định cư tại khu Đồng Trùng, phường Thống Nhất	Các lô mặt đường Lý Thường Kiệt		9.000	6.300	5.400	3.600	6.030	4.230	3.600	2.430	5.310	3.780	3.150	2.160
		Các thửa góc thuộc lô mặt đường Lý Thường Kiệt		10.400	5.700	4.100	2.100	3.690	2.070	1.530	720	2.790	1.530	1.080	540
		Các lô đất thuộc đường Quy hoạch nội bộ		6.000	3.300	2.400	1.200	2.160	1.170	900	450	1.620	900	630	360
		Các thửa góc thuộc lô đất thuộc đường Quy hoạch nội bộ		6.900	3.800	2.800	1.400	2.520	1.350	990	540	1.890	990	720	360
47	Khu tái định cư di dân vùng sạt lở đất tại tổ 4 phường Thái Bình cũ	Các lô đất trong khu tái định cư		6.000	3.300	2.400	1.200	2.160	1.170	900	450	1.620	900	630	360
		Các lô góc		6.900	3.800	2.800	1.400	2.520	1.350	990	540	1.890	990	720	360
48	Khu tái định cư di dân vùng sạt lở đất tại tổ 7 phường Thái Bình cũ	Các lô đất trong khu tái định cư		3.000	2.400	2.000	1.200	1.980	1.620	1.350	810	1.800	1.440	1.170	720
		Các lô góc		3.000	2.400	2.000	1.200	1.980	1.620	1.350	810	1.800	1.440	1.170	720

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất PNN			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
49	Các đường khu Dân cư nằm phía sau trục đường chính vào ngã ba cầu Mát			3.000	2.400	2.000	1.200	1.980	1.620	1.350	810	1.800	1.440	1.170	720
50	Các tuyến đường thuộc xóm Nưa			500				270				180			
51	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			1.000				450				360			